

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HS-ST  
Ngày 14 - 5 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Văn Đàm**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Văn Chiêu**

2. Ông **Hoàng Ngọc Thanh**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Phạm Thị Châu Giang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Ông **Đỗ Quốc Bảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2020/HSST ngày 03 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HS ngày 29/4/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Chu Văn N** - Sinh năm 1980 tại xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn M, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Tuần Ng, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956; Có vợ là Hứa Thị Ng1, sinh năm 1986 và 02 con; con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ trường PTDTBT Tiểu học & THCS xã S, huyện Đ. Hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 111-QĐ/UBKTHU ngày 15/02/2020 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Đ; đang chấp hành Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số 03/2020/HSST-QĐ, ngày 03/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ. (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ 45 phút, ngày 01/01/2020, Chu Văn N một mình điều khiển xe máy đi từ phòng trọ (ở xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang) đi sang chợ thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang (*chợ giáp biên giới giữa Việt Nam - Trung Quốc*) với mục đích mua thực phẩm. Khi mua xong, N nghe thấy tiếng pháo nổ

nên nảy sinh ý định mua một ít pháo về để đốt trong dịp tết Nguyên Đán năm 2020. N đi đến một gian bán hàng tạp hóa gặp một người phụ nữ Trung Quốc (*khoảng hơn 30 tuổi, N không biết họ tên, địa chỉ cụ thể*) hỏi mua pháo, người phụ nữ bảo đứng chờ rồi đi về phía biên giới. Khoảng 15 phút sau, người phụ nữ đó quay lại địu trên lưng một bao tải màu xanh, bỏ bao tải xuống mở miệng bao lấy ra một thùng pháo, N hỏi: "*Một hộp giá bao nhiêu?*", người phụ nữ nói: "*115.000 đồng*". Thấy rẻ nên N mua cả thùng pháo với giá 1.380.000 đồng. Người phụ nữ cho thêm N 03 túi pháo. N buộc toàn bộ số pháo lên xe máy của mình và mang về nhà cất giấu, lúc này vào khoảng 05 giờ 45 phút cùng ngày. Đến khoảng 06 giờ 45 phút cùng ngày, N bị tổ công tác Công an huyện Đ phát hiện bắt quả tang. Quá trình điều tra xác định tổng trọng lượng số pháo mà N tàng trữ là 17 kg.

Về vật chứng của vụ án: Quá trình bắt quả tang, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 thùng cát tông hình chữ nhật màu nâu, có nhiều chữ nước ngoài kích thước (45 x 30 x 30) cm, trọng lượng 17kg. Bên trong thùng có 03 gói ni lông, đầu 03 túi đều được ghim lại bằng giấy có màu đỏ-vàng, trong đó có 10 vật hình trụ tròn đều có kích thước dài 05 cm, đường kính 1,8cm, được bọc lại bằng giấy màu nâu, một đầu xoắn lại, đầu còn lại buộc bằng nhiều sợi chỉ màu trắng có một đoạn dây màu xanh, dạng dây cháy chậm. Bên dưới 03 túi ni lông có 12 hộp, xung quanh đều có màu vàng-đỏ, in nhiều chữ tượng hình (*kiểu chữ nước ngoài*) và in hình pháo hoa đang nổ, một mặt dán giấy màu vàng, mặt còn lại dán giấy ni lông màu bạc, đều có kích thước (15 x 14 x 14)cm; bên ngoài vỏ của 12 hộp có một đoạn dạng dây cháy chậm màu xanh, kiểm tra bên trong hộp có 36 lỗ, được bịt 2/3 bằng chất màu nâu đã đông cứng nghi là pháo. Tiến hành lấy 06 vật hình trụ tròn trong 03 túi ni lông, mỗi túi 02 vật hình trụ tròn được kí hiệu M1, M2, M3. Lấy 01 hộp trong số 12 hộp được kí hiệu M4 có trọng lượng 1,4kg để mang đi giám định.

Tại Kết luận giám định số 20/KL-PC09 ngày 09/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang xác định: Các mẫu vật gửi giám định kí hiệu M1, M2, M3 là pháo nổ; mẫu gửi giám định kí hiệu M4 là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (*có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ*).

Trong quá trình điều tra, truy tố, Chu Văn N có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thừa nhận hành vi tàng trữ hàng cấm của mình.

Từ căn cứ trên, cáo trạng số: 02/CT-VKS, ngày 02 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang đã truy tố Chu Văn N về tội "Tàng trữ hàng cấm" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Chu Văn N phạm tội "Tàng trữ hàng cấm". Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Chu Văn N từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; do hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, vợ bị cáo vừa mới sinh con và nuôi 02 con nhỏ, cần tập trung vật chất chăm sóc, nuôi dưỡng con nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c

khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 63, 70 Luật quản lý sử dụng vũ khí vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017; Điều 8 Nghị định 26/2012/NĐ-CP ngày 18/2/2012 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục, thẩm quyền và kinh phí phục vụ việc tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy toàn bộ số pháo nổ đã bị thu giữ (sau khi đã trích mẫu gửi giám định còn lại là: 15,6 kg) và vật chứng không còn giá trị sử dụng. Ngoài ra, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như đã nêu trong bản cáo trạng. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án; biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ và bản ảnh hiện trường cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phần tranh luận, bị cáo nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo, không có ý kiến tranh luận gì. Khi nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Bị cáo Chu Văn N là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ hàng cấm (pháo nổ) là trái pháp luật. Tuy nhiên, vào khoảng 04 giờ 45 phút, ngày 01/01/2020, tại khu vực chợ biên giới giữa Việt Nam - Trung Quốc, thuộc địa phận xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang, Chu Văn N đã mua 17 kg pháo của một người phụ nữ Trung Quốc, (không rõ lai lịch) với mục đích về để đốt trong dịp Tết nguyên đán Canh Tý năm 2020. Sau khi mua được pháo, bị cáo đem về cất giấu tại nơi ở của mình, đến 06 giờ 45 cùng ngày thì bị tổ công tác Công an huyện Đ phát hiện, thu giữ toàn bộ tang vật. Hành vi của bị cáo Chu Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự. Do vậy, cần chấp nhận toàn bộ quan điểm truy tố của Viện kiểm sát và có đủ cơ sở để kết luận: bản cáo trạng truy tố đối với hành vi phạm tội của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Điều 191 Bộ luật hình sự quy định:

*“1. Người nào tàng trữ, vận chuyển hàng hóa mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng, chưa được phép lưu hành, chưa được phép*

*sử dụng tại Việt Nam thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 249, 250, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

a)....

b)...

c) Pháo nổ từ 06 kilôgam đến dưới 40 kilôgam;

... ”

[4] Xét tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi tàng trữ pháo nổ của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý một số loại hàng hóa có tính năng ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội mà Nhà nước cấm lưu thông. Do vậy, cần buộc các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội mà bị cáo đã gây ra, đảm bảo mục đích răn đe riêng và phòng ngừa chung.

[5] Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải. Do vậy, cần cho bị cáo được hưởng những tình tiết giảm trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Căn cứ vào nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở cân nhắc đầy đủ và toàn diện tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, việc không buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu tới công cuộc phòng chống tội phạm. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, quyết định cho bị cáo hưởng án treo, ấn định một khoảng thời gian thử thách đối với bị cáo; giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo không nhằm mục đích thu lợi bất chính; hơn nữa hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện nay hết sức khó khăn, vợ bị cáo vừa mới sinh con và đang nuôi 02 con nhỏ, cần tập trung vật chất chăm sóc, nuôi dưỡng con nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Trong vụ án này, còn có người phụ nữ Trung Quốc bán 17kg pháo cho bị cáo nhưng không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở để xử lý trách nhiệm của đối tượng này.

[8] Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang đã thu giữ 17kg pháo nổ; 01 chiếc điện thoại di động; 01 xe mô tô biển kiểm soát 22B1- 751.51 (kèm 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô; 01 chìa khóa xe máy); 01 bao tải dứa. Xét thấy, chiếc điện thoại di động

không có liên quan đến hành vi phạm tội, còn xe mô tô (kèm 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô; 01 chìa khóa xe máy) là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, vợ bị cáo có đơn xin lại chiếc xe nên ngày 30/3/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu các tài sản trên. Xét việc xử lý vật chứng như trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án và phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với vật chứng là 17 kg pháo là loại hàng hóa Nhà nước cấm lưu thông; chiếc bao tải là vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Chu Văn N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[11] Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Chu Văn N phạm tội “Tàng trữ hàng cấm”.

**2. Hình phạt:** Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Chu Văn N 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Chu Văn N cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**3. Về vật chứng:** Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 63, Điều 70 của Luật quản lý sử dụng vũ khí vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017; Điều 8 Nghị định 26/2012/NĐ-CP ngày 18/2/2012 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục, thẩm quyền và kinh phí phục vụ việc tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số pháo bị cáo đã tàng trữ và vật chứng không còn giá trị sử dụng (chiếc bao tải dứa), cụ thể như sau:

- 12 (Mười hai) khối dạng hình hộp chữ nhật đều có kích thước (15 x 14 x 14) cm, bên ngoài đều được bọc bằng giấy có màu đỏ-vàng, in nhiều chữ tượng hình (kiểu chữ nước ngoài) có hình pháo hoa đang nổ, mặt trên được dán giấy màu vàng, mặt dưới được dán giấy ni lông màu bạc, cạnh ngoài mỗi hộp đều có gắn 01 dây màu xanh, bên trong mỗi hộp đều có 36 lỗ, trong các lỗ được bịt 2/3 bằng chất màu nâu đã đông cứng (đã trích mẫu gửi giám định 01 hộp);

- 30 (*Ba mươi*) vật hình trụ tròn trong đều có kích thước cao 05cm, đường kính 1,8cm được bọc bên ngoài bằng giấy màu nâu, đầu của mỗi vật hình trụ tròn được xoắn lại, đầu còn lại được buộc bằng nhiều sợi chỉ màu trắng và ở một đoạn dây dạng dây chày chằm màu xanh (*đã trích mẫu gửi giám định 06 vật hình trụ tròn, mỗi túi lấy 02 vật hình trụ tròn*).

- 01 (một) bao tải dứa màu xanh, đã qua sử dụng.

(*Tổng trọng lượng số pháo sau khi đã trích mẫu gửi giám định còn lại là 15,6 kg. Tất cả số vật chứng trên sau khi trích mẫu gửi giám định đã được niêm phong và hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng Công an huyện Đ*). Giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ thành lập hội đồng tiêu hủy để xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

**4. Án phí:** Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Chu Văn N phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

**6. Về điều kiện thi hành án:** *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Đ;
- CQCSĐT Công an huyện Đ;
- Hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Hồ sơ tha;s;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Đàm**